

BÁO CÁO

Về tình hình phát triển đô thị tỉnh Đắk Lắk năm 2016

Thực hiện Công văn số 19/BXD-VP ngày 23/01/2017 của Bộ Xây dựng về việc báo cáo về tình hình phát triển đô thị tại tỉnh Đắk Lắk năm 2016; sau khi rà soát, UBND tỉnh báo cáo như sau:

1. Tổng quan chung:

- Diện tích tự nhiên tỉnh Đắk Lắk là 1.312.345 ha. Trong đó, Diện tích đất thuộc nội thành, nội thị: 40.743,01 ha, (chiếm 3,10%)

Dân số (theo Niên giám thống kê năm 2015): 1.853.698 người.

Trong đó:

+ Dân số khu vực nội thị: 450.585 người (chiếm 24,31%);

+ Dân số nông thôn: 1.403.113 người (chiếm 75,69 %).

- Hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến nay có 16 đô thị, gồm:

+ Đô thị loại I: Thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm kinh tế chính trị, khoa học kỹ thuật của tỉnh Đắk Lắk;

+ Đô thị loại IV (04 đô thị): Thị xã Buôn Hồ; thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar; thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc; thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana;

+ Đô thị loại V (11 đô thị): Bao gồm 07 thị trấn huyện lỵ và 02 thị trấn thuộc huyện. Ngoài ra, huyện lỵ Buôn Đôn được công nhận đô thị loại V năm 2008 và đô thị Pong Drang, huyện Krông Búk được công nhận đô thị loại V năm 2014.

2. Tình hình lập, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và từng đô thị:

- Đối với Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh: Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 29/12/2004. Thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050. Đến nay, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 làm cơ sở để các địa phương lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc các đô thị, quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch các ngành, lĩnh vực khác có liên quan.

- Chương trình phát triển từng đô thị: Thực hiện Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh đã ban hành Đề cương Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số



794/QĐ-UBND ngày 06/4/2015. Theo Đề cương được duyệt và hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn số 34/BXD-PTĐT ngày 18/12/2015, Sở Xây dựng đã tham mưu cho UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3434/QĐ-UBND, ngày 17/11/2016, về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án lập Chương trình phát triển đô thị thành phố Buôn Ma Thuột, giai đoạn 2016 – 2025, và UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu để triển khai thực hiện.

- Về Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh: Thực hiện Nghị Quyết số 11-NQ/TU ngày 26/10/2012 của Tỉnh ủy về phát triển hệ thống đô thị đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 26/6/2013. Làm căn cứ trong việc lập quy hoạch, xây dựng các tiêu chí để đánh giá, phân loại đô thị, xây dựng các chương trình phát triển đô thị trong từng giai đoạn phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, góp phần từng bước nâng cao điều kiện sống của người dân đô thị thông qua việc đầu tư cải thiện các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường đô thị.

3. Đánh giá những tồn tại, hạn chế trong phát triển đô thị:

a) Kết quả công tác phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh:

- Cơ bản hoàn thành so với Định hướng phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2015 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 26/6/2013, toàn tỉnh đã có 16 đô thị các loại, thuộc 16 đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố.

- Hoàn thành sớm so với Kế hoạch phát triển đô thị giai đoạn năm 2016 – 2020 là: Nâng cấp đô thị loại IV đối với thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H'leo; nâng cấp xã Pong Drang, huyện Krông Búk thành đô thị loại V.

b) Những tồn tại, hạn chế trong phát triển đô thị:

Trong giai đoạn 2011-2016, hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh đã có sự phát triển nhất định, các đô thị ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu, điều kiện sống của người dân đô thị, các đô thị đã khẳng định được vị trí động lực trong quá trình phát triển của xã hội và thực sự trở thành hạt nhân thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội, có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển của tỉnh và vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên, phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh còn có những mặt hạn chế sau:

- Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã ưu tiên tập trung nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển đô thị. Song, so với yêu cầu về tiêu chí phân loại đô thị, thì công tác đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó, việc thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển đô thị từ các nguồn lực bên ngoài thông qua các nguồn vốn ODA còn nhiều hạn chế, nhất là các đô thị vừa và nhỏ (loại IV, loại V) và những công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối (cấp nước, thoát nước xử lý CTR sinh hoạt...). Từ đó, đã ảnh hưởng không nhỏ đến chương trình phát triển đô thị.

- Các dự án trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng nguồn vốn ODA (như các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý CTR sinh hoạt) tuy được triển khai từ năm 2009-2010. Nhưng đến nay, chưa được khởi công do còn vướng mắc, khó

khẩn trong việc ký hiệp định phụ vay lại với Bộ Tài chính. Cần có sự hỗ trợ từ các Bộ, ngành trung ương.

4. Đề xuất Kế hoạch thực hiện:

a) Kế hoạch phát triển đô thị giai đoạn năm 2016 - 2020:

- Nâng cấp thị xã Buôn Hồ thành đô thị loại III;
- Nâng cấp đô thị loại IV đối với thị trấn Quảng phú, huyện Cư M'gar;
- Nâng cấp xã Cư Né là đô thị loại V, thành lập thị trấn trung tâm huyện lỵ huyện Krông Búk; nâng cấp xã Dray Bông là đô thị loại V, thành lập thị trấn trung tâm huyện lỵ huyện Cư Kuin;
- Nâng cấp một số xã thành đô thị loại V mới gồm: Ea Phê, huyện Krông Pắc; Ea Na, huyện Krông Ana; Trung Hòa, huyện Cư Kuin; Phú Xuân, huyện Krông Năng.

b) Đề xuất, kiến nghị trong công tác phát triển đô thị:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng hỗ trợ địa phương xây dựng đề cương, kế hoạch triển khai Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 08/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chương trình nâng cấp đô thị Quốc gia giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020. Tạo điều kiện cho các địa phương khu vực miền núi, Tây Nguyên tiếp cận các dự án cải thiện môi trường đô thị từ các chương trình mục tiêu quốc gia; các nguồn vốn ODA trong các lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đô thị, xử lý chất thải rắn đô thị;

- Kiến nghị Bộ Xây dựng hỗ trợ và hướng dẫn tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu Atlas Đô thị và Khí hậu theo Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 – 2020;

Ngoài ra, đề nghị Bộ Xây dựng quan tâm đến các chương trình hỗ trợ kỹ thuật phát triển nguồn nhân lực, nhằm đào tạo nâng cao năng lực quản lý đô thị cho lực lượng cán bộ, công chức các cấp của tỉnh trong các lĩnh vực phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị...

(có các biểu chi tiết đính kèm)

UBND tỉnh Đắk Lắk báo với nội dung như trên để Bộ Xây dựng tổng hợp, báo cáo theo quy định./...*tr*

Nơi nhận: *nh*

- Bộ Xây dựng (b/c)
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, TC;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (VT- 7).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà



BIỂU 1: HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ DÂN SỐ THỊ NĂM 2016

(Kèm theo Báo cáo số 78 /BC-UBND, ngày 10 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên đô thị	Quyết định/Nghị định/Nghị quyết thành lập đô thị	Loại đô thị và Quyết định công nhận loại đô thị	Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung	Đất đai đô thị các loại					Dân số đô thị		
					Diện tích tự nhiên đô thị 2016 (ha)	Diện tích tự nhiên nội thị/nội thành 2016 (ha)	Diện tích đất xây dựng đô thị đến năm 2016 (ha)	Diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đợt đầu (ha)	Dự kiến diện tích nội thị/nội thành theo quy hoạch xây dựng đợt đầu (ha)	Dân số toàn đô thị 2016 (nghìn người)	Dân số nội thị/nội thành 2016 (nghìn người)	Dự kiến dân số toàn đô thị theo quy hoạch đợt đầu (nghìn người)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Thành phố Buôn Ma Thuột	Nghị định 08/CP, ngày 21/01/1995	Quyết định số 228/QĐ-TTg, ngày 08/02/2010	Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 13/02/2014	37.707,00	10.152,00	6.495,42	7.800,00	10.150,00	355,67	231,96	400,00
02	Thị xã Buôn Hồ	Nghị định số 07 NĐ-CP ngày 23/12/2008	Quyết định số 315/QĐ-BXD ngày 06/3/2008	Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 28/8/2012	28.260,00	8.268,00	2.257,21	2.610,00	8.219,20	102,63	56,16	67,00
03	Thị trấn Ea Drăng	Nghị định 04/1998/NĐ-CP ngày 09/1/1998	Quyết định số 313/QĐ-BXD ngày 01/4/2016	Quyết định số 3687/QĐ-UBND, ngày 12/12/2016	1.633,00	1.633,00	345,27	566,50	1.633,00	20,13	20,13	32,00
04	Thị trấn Ea Súp	Nghị định 18/1998/NĐ-CP ngày 24/3/1998		Quyết định số 361/QĐ-UBND, ngày 17/02/2017	1.361,00	1.361,00	205,11	356,72	1.350,00	12,01	12,01	22,00
05	Thị trấn Krông Năng	Nghị định số 61/1999/NĐ-CP ngày 27/7/1999		Quyết định số 2499/QĐ, ngày 27/9/2011	2.480,00	2.480,00	276,76	697,30	2.474,00	12,72	12,72	25,00
06	Thị trấn Quảng Phú	Nghị định số 04/1998/NĐ-CP ngày 09/01/1998		Quyết định số 372/QĐ-UBND, ngày 02/02/2016	973,00	973,00	250,28	518,56	973,00	17,59	17,59	35,00
07	Thị trấn Ea Pôk	Quyết định số 20/HĐBT ngày 22-2-1986		Quyết định số 3775/QĐ-UBND, ngày 23/12/2009	4.083,00	4.083,00	521,56	857,00	3.989,00	13,82	13,82	27,00

08	Thị trấn Ea Kar	Quyết định số 01/HĐBT, ngày 26/01/1989	Quyết định số 1411/QĐ-BXD ngày 04/12/2008	Quyết định số 648/QĐ-UBND, ngày 17/03/2008	2.444,00	2.444,00	414,72	576,61	2.917,90	14,14	14,14	50,60
09	Thị trấn Ea Knốp	Quyết định số 20/HĐBT ngày 22-2-1986		Quyết định số 1554/QĐ-UBND, ngày 27/6/2008	2.834,00	2.834,00	387,50	500,00	2.758,00	10,24	10,24	30,00
10	Thị trấn M'Đrắk	Quyết định số 09-HĐBT ngày 26/01/1989		Quyết định số 2165/QĐ-UBND, ngày 26/8/2010	613,00	613,00	135,12	256,20	612,00	5,66	5,66	20,00
11	Thị trấn Phước An	Quyết định số 08/HĐBT, ngày 8/4/1989	Quyết định số 800/QĐ-BXD, ngày 30/8/2012	Quyết định số 828/QĐ-UBND, ngày 01/4/2010	1.025,00	1.025,00	240,94	670,00	981,00	18,31	18,31	45,00
12	Thị trấn Krông Kmar	Nghị định số 04/1998/NĐ-CP ngày 09/1/1998		Quyết định số 255/QĐ-UBND, ngày 30/01/2008	558,00	558,00	121,44	276,60	558,00	6,90	6,90	17,00
13	Thị trấn Buôn Trấp	Quyết định số 75/HĐBT ngày 19/9/1981	Quyết định số 1580/QĐ-BXD, ngày 30/12/2014	Quyết định số 1053/QĐ-UBND, ngày 29/4/2008	3.045,00	3.045,00	428,23	1.200,86	3.120,00	25,35	24,85	40,00
14	Thị trấn Liên Sơn	Quyết định số 09/HĐBT ngày 26/01/1989		Quyết định số 1758/QĐ-UBND, ngày 31/7/2014	1.274,00	1.274,00	142,07	341,31	1.275,00	6,23	6,23	20,14
15	Huyện lỵ Buôn Đôn	Chưa thành lập thị trấn	Quyết định số 1146/QĐ-UBND, ngày 11/5/2009	Quyết định số 2812/QĐ-UBND, ngày 22/10/2015	-	-	-	267,01	1.200,00	-	-	22,00
16	Đô thị Pong Drang	Chưa thành lập thị trấn	Quyết định số 2547/QĐ-UBND, ngày 28/10/2014	Quyết định số 238/QĐ-UBND, ngày 25/01/2013	-	-	-	550,00	3.200,00	-	-	25,00

Ghi chú: Số liệu cung cấp tại cột (9), (10), (13) dự báo quy mô dân số đô thị, đất xây dựng đô thị, đất nội thị giai đoạn đến năm 2020 hoặc 2025 (để thống nhất giai đoạn lập quy hoạch giữa các đồ án).

BIỂU 2: CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ NĂM 2016

(Kèm theo Báo cáo số 78 /BC-UBND, ngày 10 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên dự án	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quy hoạch				Dự án				Ghi chú
			Quyết định phê duyệt quy hoạch phân khu (1/2000)	Quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết (1/500)	Quy mô diện tích theo quy hoạch chi tiết (ha)	Quy mô dân số theo quy hoạch chi tiết (người)	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ diện tích đã giải phóng mặt bằng (%)	Tỷ lệ diện tích đang đầu tư hạ tầng kỹ thuật (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị đang triển khai thực hiện một trong các nội dung (3), (5), (10), (11)										
1	Thành phố Buôn Ma Thuột										
	Khu dân cư Km4-5, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột	X	2704/QĐ-UBND ngày 09/10/2002	547/QĐ-UBND ngày 18/03/2013	72,00	7.710	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	152,000	100,000	100,000	
2	Huyện Krông Pắc										
	Khu vực phát triển đô thị Đông Bắc thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc	X	828/QĐ-UBND, ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk	2817/QĐ-UBND ngày 13/09/2012 của UBND H.Krông Pắc	61,00	3.500	UBND huyện Krông Pắc	127,00	61,40	22,20	Đang chuẩn bị thi công
II	Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA										
1	Các dự án đang kêu gọi đầu tư										
	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Buôn Hồ						UBND thị xã Buôn Hồ	292,000			
	Cơ sở xử lý CTR thị xã Buôn Hồ, công suất 100 tấn/ng.đ		2215/QĐ-UBND ngày 1/10/2012		11,7		UBND thị xã Buôn Hồ	120,000			

	Trạm cung cấp nước sạch thị trấn Ea Knốp, công suất 1500 m3/ng.đ						UBND huyện Ea Kar	80,000			
	Trạm cung cấp nước sạch thị trấn M'Drắk, công suất 1000 m3/ng.đ						UBND huyện M'Drắk	60,000			
	Trạm cung cấp nước sạch thị trấn Liên Sơn, công suất 1000 m3/ng.đ						UBND huyện Lắk	60,000			
2	Các dự án đang triển khai										
	Dự án cấp nước TP.Buôn Ma Thuột và 03 huyện phụ cận: Krông Năng, Ea Kar, Buôn Đôn	X					C.ty TNHH MTV Cấp nước & ĐTXD Đắk Lắk	640,600			
	Bãi xử lý Chất thải rắn xã Hoà Phú	X		937/QĐ-UBND ngày 16/5/2013			Cty TNHH MTV Đô thị và MT Đắk Lắk	193,938			
	Đường Trần Quý Cáp, TP.Buôn Ma Thuột	X		3172/QĐ-UBND ngày 08/12/2010			Cty TNHH MTV Đô thị và MT Đắk Lắk	191,320			
	Đường Mai Thị Lựu, TP.Buôn Ma Thuột	X					UBND TP.BMT	81,927			
	Dự án thoát nước TP.Buôn Ma Thuột giai đoạn II	X					Cty TNHH MTV Đô thị và MT Đắk Lắk	413,300			

